TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 400/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố H, ngày 30 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 585/2026/TLST-VHNGĐ ngày 22/6/2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Bà Trịnh Phương D, sinh năm 1985, căn cước công dân số 074185001397; địa chỉ: Số E, Tổ A, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh,.

+ Ông Lương Phạm Duy A, sinh năm 1985, căn cước công dân số 074085003734; địa chỉ: Số B, Tổ C, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Phương D và ông Lương Phạm Duy A là vợ chồng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 89 ngày 25/6/2011 của UBND phường P, thị xã T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên bà Trịnh Phương D và ông Lương Phạm Duy A yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Trịnh Phương D và ông Lương Phạm Duy A có 02 con chung là cháu Lương Ngọc Như Q, sinh ngày 24/11/2012 và cháu Lương Hoàng Thiên L, sinh ngày 10/9/2014. Khi ly hôn, bà D và ông A thống nhất giao con chung là cháu Lương Ngọc Như Q và cháu Lương Hoàng Thiên L cho bà Trịnh Phương D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trịnh Phương D và ông Lương Phạm Duy A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trịnh Phương D và ông Lương Phạm Duy A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Người yêu cầu chịu theo quy định tại Điều của 149 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Phương D và ông Lương Phạm Duy A thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Lương Ngọc Như Q, sinh ngày 24/11/2012 và cháu Lương Hoàng Thiên L, sinh ngày 10/9/2014 cho bà Trịnh Phương D tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trịnh Phương D và ông Lương Phạm Duy A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với người không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung là cháu Lương Ngọc Như Q và Lương Hoàng Thiên L, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trịnh Phương D và ông Lương Phạm Duy A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Trịnh Phương D và ông Lương Phạm Duy A mỗi người nộp số tiền là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ hết vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0039071 ngày 19/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 15-Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân phường Ph-Thành phố Hồ Chí Minh;
- Người yêu cầu;
- Lưu: hồ sơ việc dân sự, VT.

THẨM PHÁN

Hồ Thị Hằng

TAND KHU VỰC 15

HNA300626.TL.QDBA 2384